

# TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN QUAN HỆ GIỚI TRONG GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY: VẤN ĐỀ VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

PHẠM ĐI(\*)

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích những tác động của chuyển đổi số đến quan hệ giới trong gia đình Việt Nam hiện nay, từ đó chỉ ra những biến đổi trong phân công lao động, quyền ra quyết định, giao tiếp nội bộ và các mối quan hệ liên thế hệ. Dưới ảnh hưởng của công nghệ, một số biểu hiện bất bình đẳng giới có xu hướng giảm bớt, song cũng đồng thời xuất hiện các hình thức bất bình đẳng mới, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi. Chuyển đổi số tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với việc xây dựng gia đình bình đẳng, dân chủ, tiến bộ. Từ các phân tích, bài viết đề xuất một số định hướng chính sách và hành động nhằm lồng ghép vấn đề giới vào quá trình số hóa đời sống gia đình<sup>1</sup>, góp phần thúc đẩy công bằng giới và phát triển bền vững trong bối cảnh mới.

**Từ khóa:** *Bình đẳng giới; Chuyển đổi số; Gia đình Việt Nam; Quan hệ giới.*

## DIGITAL TRANSFORMATION AND GENDER DYNAMICS IN VIETNAMESE HOUSEHOLDS TODAY: CHALLENGES AND POLICY DIRECTIONS

**Abstract:** This article examines the impacts of digital transformation on gender relations within contemporary Vietnamese families, highlighting changes in the division of labor, decision-making power, internal communication, and intergenerational relationships. Under the influence of technology, some forms of gender inequality have shown signs of decline; however, new forms of inequality have emerged-particularly affecting women, children, and the elderly. Digital transformation presents both opportunities and challenges for fostering families that are equal, democratic, and progressive. Based on the analysis, the article proposes several policy directions and actions to integrate gender considerations into the digitalization of family life, thereby contributing to gender equity and sustainable development in the current context.

---

(\*) Học viện Chính trị khu vực III.

<sup>1</sup> Quá trình số hóa đời sống gia đình (Digitalization of family life) là tiến trình mà trong đó các công nghệ số như Internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, thiết bị thông minh, nền tảng truyền thông và ứng dụng trực tuyến - được tích hợp vào sinh hoạt, lao động, giao tiếp, giáo dục, chăm sóc và quản lý gia đình, làm thay đổi cách các thành viên tương tác, ra quyết định, chia sẻ vai trò và duy trì các mối quan hệ.

**Keywords:** *Digital transformation; Gender equality; Gender relations; Vietnamese families.*

*Ngày nhận bài: 09/9/2025; Ngày gửi phản biện: 12/9/2025; Ngày duyệt đăng bài: 03/11/2025.*

## **1. Đặt vấn đề**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số đã và đang tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, từ cách con người học tập, lao động, giao tiếp đến tổ chức lại đời sống gia đình. Không là ngoại lệ, không gian sống của các thành viên trong gia đình ngày càng được số hóa thông qua các nền tảng trực tuyến, thiết bị thông minh và công nghệ kết nối. Tại nước ta, quá trình này diễn ra mạnh mẽ, nhất là sau đại dịch COVID-19, khi mà số hóa là một công cụ hữu hiệu cho mua sắm, làm việc từ xa, học trực tuyến, tương tác xã hội, v.v. trở thành một phần không thể thiếu trong sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình.

Gia đình, với tư cách là một thiết chế xã hội cơ bản, không nằm ngoài làn sóng thay đổi đó. Nếu trước đây, phân công lao động giới trong gia đình phần lớn dựa trên các chuẩn mực truyền thống thì ngày nay, chuyển đổi số đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với quan hệ giới (bao gồm vai trò, quyền lực, trách nhiệm và sự tương tác giữa các thành viên nam và nữ trong gia đình). Công nghệ có thể giúp phụ nữ tiếp cận việc làm linh hoạt, nâng cao tri thức và kết nối xã hội, nhưng cũng có thể khiến họ chịu thêm “gánh nặng kép” (double burden); bị giám sát, và mất quyền kiểm soát trong không gian số nếu thiếu cơ chế bảo vệ phù hợp, thiếu chế tài đủ mạnh để răn đe, v.v..

Tuy nhiên, những biến chuyển này hiện vẫn còn thiếu được nhận diện đầy đủ trong nghiên cứu chính sách và học thuật tại Việt Nam. Nhiều cuộc thảo luận về chuyển đổi số mới chỉ tập trung vào hạ tầng kỹ thuật, cải cách hành chính hay tăng trưởng kinh tế, mà chưa đi sâu vào các tác động xã hội và giới trong gia đình, vốn là nền tảng của mọi sự thay đổi bền vững.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết này nhằm phân tích những biểu hiện cụ thể của quan hệ giới trong gia đình Việt Nam dưới tác động của chuyển đổi số; làm rõ các cơ hội và thách thức đang đặt ra cho tiến trình bình đẳng giới; từ đó đưa ra một số khuyến nghị về chính sách và hành động xã hội nhằm góp phần xây dựng một mô hình gia đình hiện đại, công bằng, nhân văn trong kỷ nguyên số.

## **2. Một số vấn đề lý luận và phương pháp luận của nghiên cứu**

### **2.1. Một số khái niệm liên quan**

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang lan tỏa sâu rộng, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng công nghệ, mà còn là một tiến trình xã hội - văn hóa tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực đời sống, trong đó có gia đình và quan hệ giới. Chuyển đổi số có thể hiểu là quá trình tích hợp công nghệ số vào hoạt động

sản xuất, quản lý và đời sống con người, qua đó hình thành những phương thức mới trong giao tiếp, học tập, lao động và tổ chức đời sống gia đình. Ở cấp độ vi mô, nó được thể hiện qua việc sử dụng các thiết bị thông minh, nền tảng mạng xã hội, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến, học tập và làm việc từ xa. Như vậy, chuyển đổi số không chỉ tạo ra sự thay đổi về công cụ và phương tiện sống, mà còn tái định hình các quan hệ xã hội, giá trị và vai trò của từng thành viên trong gia đình.

Trong bối cảnh đó, quan hệ giới trong gia đình - tức hệ thống các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ, được xác lập thông qua sự phân công vai trò, quyền lực, trách nhiệm và lợi ích giới - cũng đang chịu tác động trực tiếp từ quá trình chuyển đổi số. Nếu trong mô hình gia trưởng truyền thống, quyền lực giới thường nghiêng về phía nam giới, thì nay, sự tham gia của phụ nữ vào các không gian số mở ra cơ hội tái cấu trúc quyền lực trong gia đình, khi phụ nữ có thêm kênh tiếp cận tri thức, thông tin, việc làm, thu nhập và khả năng tự quyết trong đời sống gia đình. Sự thay đổi này làm nảy sinh dạng thức mới của quan hệ giới - nơi các vai trò, giá trị và tiếng nói trong gia đình được thương lượng lại thông qua sự hiện diện của công nghệ.

Tuy nhiên, chuyển đổi số và bình đẳng giới không phải lúc nào cũng đồng hành theo hướng tích cực. Trong khi công nghệ có thể trao quyền (empower) cho phụ nữ, thì nó cũng có thể tái sản sinh bất bình đẳng giới nếu sự tiếp cận công nghệ, kỹ năng số và nguồn lực không được phân bổ công bằng. “Khoảng cách số giới” (gender digital divide) hiện vẫn là một thực tế, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi, hoặc trong các nhóm phụ nữ trung niên, phụ nữ nghèo. Ở đó, chuyển đổi số có thể vô tình củng cố những định kiến hoặc giới hạn vai trò của phụ nữ trong gia đình, khi họ thiếu quyền truy cập công nghệ hoặc không được tham gia vào quá trình ra quyết định.

Từ đó có thể thấy, mối quan hệ giữa chuyển đổi số và quan hệ giới trong gia đình là mối quan hệ hai chiều: một mặt, chuyển đổi số tạo điều kiện thúc đẩy bình đẳng giới và sự tự chủ của phụ nữ; mặt khác, nếu thiếu chính sách và nhận thức xã hội phù hợp, nó có thể làm sâu thêm các rào cản giới hiện hữu. Nghiên cứu chủ đề này vì vậy cần tiếp cận theo hướng xem chuyển đổi số như một động lực xã hội mới đang định hình lại quan hệ quyền lực, vai trò và sự thương lượng giới trong không gian gia đình Việt Nam đương đại.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu và tiếp cận**

Để làm rõ tác động của chuyển đổi số đến quan hệ giới trong gia đình Việt Nam hiện nay, nghiên cứu này được triển khai trên cơ sở các cách tiếp cận và phương pháp luận của khoa học xã hội hiện đại, đặc biệt là xã hội học giới và xã hội học gia đình. Việc lựa chọn cách tiếp cận phù hợp không chỉ giúp nhận diện đúng bản chất của vấn đề, mà còn đảm bảo tính toàn diện, khách quan và liên ngành trong phân tích. Nghiên cứu xem xét chuyển đổi số như một tiến trình xã hội đa chiều,

tác động đồng thời đến cấu trúc, chức năng và tương tác giữa các thành viên trong gia đình - nơi các mối quan hệ giới được hình thành, duy trì và biến đổi. Từ đó, các phương pháp nghiên cứu được lựa chọn nhằm nhận diện cả những thay đổi có thể quan sát được và những chuyển biến tinh vi trong nhận thức, vai trò và quyền lực giới trong đời sống gia đình đương đại.

Nghiên cứu này được triển khai trên nền tảng của một số cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học xã hội, nhằm nhận diện một cách toàn diện và sâu sắc tác động của chuyển đổi số đến quan hệ giới trong gia đình Việt Nam hiện nay. Về *cách tiếp cận*, nghiên cứu vận dụng tiếp cận giới (Gender approach) để xem xét những thay đổi trong phân công lao động, quyền ra quyết định, việc sử dụng thời gian cũng như khả năng tiếp cận thông tin và công nghệ giữa nam và nữ trong gia đình. Đồng thời, tiếp cận xã hội học gia đình được sử dụng để phân tích sự biến đổi trong cấu trúc, chức năng và các tương tác giữa các thành viên dưới tác động của công nghệ số. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn vận dụng tiếp cận chuyển đổi xã hội (Social transformation approach), coi chuyển đổi số là một tiến trình tái cấu trúc đời sống xã hội, trong đó gia đình vừa là chủ thể, vừa là khách thể của sự biến đổi này. Trên cơ sở đó, tiếp cận phát triển bền vững và bao trùm được lồng ghép để đặt vấn đề bình đẳng giới trong mối quan hệ với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), đặc biệt là Mục tiêu số 5 về bình đẳng giới và Mục tiêu số 9 về công nghiệp, đổi mới và hạ tầng.

Về *phương pháp nghiên cứu*, bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu nhằm thu thập, hệ thống hóa và phân tích các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề chuyển đổi số, quan hệ giới và gia đình Việt Nam hiện nay. Song song với đó, phương pháp định tính được vận dụng thông qua các cứ liệu thứ cấp để khai thác kinh nghiệm thực tế của các hộ gia đình ở cả khu vực đô thị và nông thôn. Cuối cùng, bài viết nhấn mạnh phương pháp liên ngành nhằm đảm bảo tính toàn diện, khách quan và cập nhật trong việc phân tích tác động đa chiều của chuyển đổi số đối với quan hệ giới trong gia đình Việt Nam.

### **3. Một số biểu hiện thay đổi của quan hệ giới trong gia đình dưới tác động của chuyển đổi số**

Quá trình chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về mặt công nghệ, mà còn là sự tái cấu trúc sâu sắc trong các mối quan hệ xã hội, trong đó quan hệ giới trong gia đình là một phạm vi chịu tác động rõ nét nhưng thường bị xem nhẹ. Khi công nghệ xâm nhập vào không gian sống gia đình thông qua các thiết bị thông minh, nền tảng trực tuyến và hình thức làm việc, học tập từ xa, những ranh giới giữa không gian công - tư, giữa lao động có lương và không lương, giữa vai trò “truyền thống” và “hiện đại” dần trở nên mờ nhạt. Những thay đổi này không diễn ra một cách trung tính, mà chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi cấu trúc quyền lực giới, tập quán

văn hóa và mức độ tiếp cận công nghệ của các thành viên. Trong phần này, bài viết sẽ đi sâu phân tích các biểu hiện cụ thể của sự thay đổi quan hệ giới trong ba phương diện chính: phân công lao động trong gia đình, quyền lực tiếp cận và kiểm soát công nghệ, và biến đổi trong kết nối cảm xúc giữa các giới.

### **3.1. Phân công lao động trong gia đình dưới tác động của chuyển đổi số**

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của tác động từ chuyển đổi số đến quan hệ giới trong gia đình là sự thay đổi (hoặc tái phát sinh) trong phân công lao động giới. Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ, các hình thức làm việc trực tuyến, làm việc tại nhà ngày càng phổ biến, khiến ranh giới giữa không gian lao động xã hội và không gian gia đình trở nên mờ nhạt. Về mặt tích cực, điều này giúp phụ nữ có thêm cơ hội tham gia thị trường lao động, duy trì nghề nghiệp và thu nhập mà không bị giới hạn bởi yếu tố không gian hay thời gian. Nhiều phụ nữ có thể vừa chăm sóc gia đình vừa làm việc, học tập, kinh doanh trên nền tảng số (điều trước đây khó thực hiện trong mô hình lao động truyền thống).

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, chuyển đổi số cũng đang có xu hướng duy trì, thậm chí làm sâu sắc hơn “mô hình gánh nặng kép” (double burden). Nhiều phụ nữ, đặc biệt là nhóm đang làm việc từ xa, vừa phải đảm nhận công việc chuyên môn trực tuyến, vừa gánh vác phần lớn trách nhiệm chăm sóc, nội trợ và quản lý đời sống gia đình (Phạm Đi, 2021, tr. 13). Trong khi công nghệ mở rộng cơ hội nghề nghiệp, thì các chuẩn mực văn hóa - xã hội về vai trò giới vẫn ít thay đổi, khiến phụ nữ tiếp tục bị “kẹt” trong hai không gian trách nhiệm song hành. Điều này không chỉ phản ánh bất bình đẳng giới trong phân công lao động gia đình, mà còn cho thấy tác động hai mặt của chuyển đổi số: một mặt trao quyền, mặt khác tái khẳng định những khuôn mẫu giới truyền thống dưới hình thức mới.

Các khảo sát của UN Women và Tổng cục Thống kê Việt Nam (2020 - 2022) chỉ ra rằng, trong thời kỳ đại dịch, tỷ lệ phụ nữ dành hơn 4 giờ mỗi ngày cho công việc không lương trong gia đình cao gấp đôi so với nam giới, ngay cả khi cả hai đều làm việc tại nhà (UN Women & Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2021). Điều này cho thấy, chuẩn mực giới truyền thống, vốn mặc định phụ nữ là người “chăm lo tổ ấm”, vẫn tồn tại một cách dai dẳng, dù điều kiện làm việc và sinh hoạt đã thay đổi đáng kể.

Ngoài ra, sự phát triển của các ứng dụng thương mại điện tử, mua sắm online, chăm sóc sức khỏe từ xa hay giáo dục trực tuyến, thay vì giúp phân chia lại trách nhiệm, lại thường được gán cho phụ nữ như một phần trong “nhiệm vụ gia đình”. Nhiều người vợ, người mẹ không những phải theo kịp nhịp công việc qua Zoom, Zalo, v.v. mà còn đồng thời làm “trợ lý học online” cho con, “y tá công nghệ” cho cha mẹ già, và “quản gia ảo” cho mọi khâu vận hành gia đình hiện đại (Phạm Đi, 2023).

Trong khi đó, nam giới trong gia đình số thường được kỳ vọng tập trung cho công việc chuyên môn và ít khi phải “chia sẻ” không gian lao động với công việc gia đình. Mặc dù một số nghiên cứu gần đây cho thấy vai trò của nam giới trong gia đình có cải thiện (nhiều người chấp nhận nấu ăn, đưa đón con, hỗ trợ dạy học, v.v.), nhưng tỉ lệ này vẫn còn thấp và mang tính tự phát, chưa trở thành một chuẩn mực xã hội mới (Trần Thị Minh Thi, 2020).

Như vậy, dù chuyển đổi số đem lại những phương tiện kỹ thuật hiện đại và khả năng linh hoạt trong tổ chức đời sống, song việc phân công lao động trong gia đình vẫn đang chịu sự chi phối nặng nề của định kiến giới truyền thống. Nếu không có những can thiệp chính sách và thay đổi nhận thức xã hội một cách sâu sắc, công nghệ có thể tiếp tục trở thành “chiếc mặt nạ hiện đại” cho bất bình đẳng giới cũ, thay vì là đòn bẩy thúc đẩy sự công bằng trong gia đình<sup>2</sup>.

### **3.2. Quyền lực trong tiếp cận và kiểm soát công nghệ**

Một biểu hiện quan trọng khác của quan hệ giới trong bối cảnh chuyển đổi số là sự khác biệt về quyền tiếp cận, sở hữu và kiểm soát công nghệ giữa các thành viên trong gia đình. Dù công nghệ kỹ thuật số được xem là công cụ trung tính, song trong thực tế, việc ai sử dụng thiết bị gì, vào thời điểm nào, với mục đích gì, và được phép ra quyết định về công nghệ trong gia đình lại phản ánh cấu trúc quyền lực giới vốn có.

Nhiều nghiên cứu tại Việt Nam và các quốc gia đang phát triển cho thấy, trong các hộ gia đình, nam giới thường là người có quyền sở hữu các thiết bị giá trị cao như máy tính, điện thoại đời mới, hoặc điều khiển các thiết bị thông minh trong nhà (ti vi, camera, thiết bị nhà thông minh, v.v.). Trong khi đó, phụ nữ (đặc biệt là phụ nữ trung niên hoặc người không có thu nhập ổn định), thường chỉ tiếp cận với công nghệ ở mức độ sử dụng cơ bản, phụ thuộc, hoặc bị giới hạn bởi thời gian, kỹ năng và quyền tự quyết. Thậm chí trong một số gia đình, việc người vợ sử dụng mạng xã hội hoặc công nghệ giao tiếp còn bị kiểm soát bởi chồng - thể hiện qua hiện tượng gọi là “quyền lực số trong bóng tối” (Digital Power in the Shadows), dẫn đến nguy cơ mất tự do cá nhân và xâm hại quyền riêng tư.

Không chỉ dừng lại ở thiết bị, quyền kiểm soát công nghệ còn thể hiện trong quyết định liên quan đến học tập của con cái, tiếp cận dịch vụ y tế trực tuyến và thông tin truyền thông trong gia đình. Trong nhiều trường hợp, người mẹ đảm nhiệm vai trò “trợ lý công nghệ” cho con, nhưng người cha lại là người quyết định đầu tư

---

<sup>2</sup> Nhiều khảo sát gần đây của UN Women Việt Nam (2022) và Tổng cục Thống kê (2023) cho thấy, dù ứng dụng công nghệ và dịch vụ số (như đặt hàng online, dạy học trực tuyến, làm việc tại nhà) giúp tiết kiệm thời gian, song phụ nữ vẫn gánh phần lớn công việc chăm sóc và việc nhà. Trong giai đoạn COVID-19, 62% phụ nữ được khảo sát cho biết khối lượng công việc gia đình của họ tăng lên, trong khi chỉ 38% nam giới có cùng nhận định. Điều này cho thấy chuyển đổi số không tự động xóa bỏ phân công giới, mà đôi khi còn khiến phụ nữ làm việc “hai ca” - vừa lao động trực tuyến, vừa gánh việc nhà.

thiết bị, chọn phần mềm học tập, hoặc kiểm tra kết quả học hành. Cách phân vai này tuy không mới, nhưng khi lặp lại trong môi trường công nghệ, nó dễ tạo ra cảm giác bất bình đẳng mới, tinh vi hơn, khó nhận diện hơn so với bất bình đẳng giới truyền thống (Phạm Đi, 2023).

Một chiều cạnh khác cần lưu ý là khả năng tự chủ số, tức mức độ mà một cá nhân, đặc biệt là phụ nữ, có thể sử dụng công nghệ một cách độc lập để phục vụ nhu cầu phát triển bản thân, tìm kiếm thu nhập, kết nối xã hội hay tham gia vào các diễn đàn công dân số. Nhiều phụ nữ ở nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, hoặc nhóm lao động phi chính thức hiện vẫn gặp rào cản lớn về kỹ năng số, ngôn ngữ công nghệ và thời gian rảnh rỗi, từ đó làm giảm khả năng tham gia bình đẳng vào đời sống xã hội số hóa.

Điều đó cho thấy, quyền lực công nghệ trong gia đình hiện đại đang mang “dấu ấn giới” rất rõ nét<sup>3</sup>, nhưng lại thường bị che phủ bởi vẻ ngoài trung lập của máy móc và nền tảng kỹ thuật. Nếu không đặt ra yêu cầu bình đẳng giới trong việc tiếp cận, sử dụng và ra quyết định liên quan đến công nghệ trong gia đình, thì chuyển đổi số có thể dẫn đến tái tạo những hình thức bất bình đẳng cũ dưới một lớp vỏ mới - hiện đại hơn, nhưng cũng thâm lặng và khó can thiệp hơn.

### **3.3. Biến đổi cảm xúc và kết nối giới trong không gian số**

Bên cạnh những thay đổi trong phân công lao động và quyền lực công nghệ, chuyển đổi số còn ảnh hưởng sâu sắc đến kết nối cảm xúc và quan hệ giao tiếp giữa các giới trong gia đình. Công nghệ, với các công cụ như điện thoại thông minh, mạng xã hội, video call, thiết bị hỗ trợ ảo... không chỉ thay đổi phương thức liên lạc, mà còn tái định hình cách các thành viên trong gia đình thể hiện, duy trì hoặc xa rời sự gắn kết cảm xúc, kết nối giới<sup>4</sup>.

Ở một mặt tích cực, công nghệ số giúp gia đình vượt qua những rào cản về không gian và thời gian. Chồng đi công tác xa vẫn có thể gọi video về trò chuyện với vợ con; người mẹ ở quê có thể nhắn tin hàng ngày cho con đang học đại học ở thành phố; ông bà cao tuổi có thể xem ảnh, theo dõi hoạt động của con cháu qua mạng xã hội. Trong một số trường hợp, công nghệ trở thành cầu nối giữa các thế hệ, đặc biệt trong những gia đình di cư, gia đình có con cái học tập hoặc làm việc ở nước ngoài.

<sup>3</sup> Theo Báo cáo “Khoảng cách giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam” của UN Women (2023), tỉ lệ nam giới sở hữu điện thoại thông minh cao hơn nữ giới khoảng 8 - 10%, và tỉ lệ nam giới có máy tính cá nhân cao gấp 1,5 - 2 lần so với nữ giới. Ở khu vực nông thôn, sự chênh lệch này còn rõ rệt hơn: nhiều hộ gia đình chỉ có một thiết bị kết nối internet và người sử dụng chính thường là nam giới hoặc con trai trong gia đình. Điều này phản ánh quyền lực công nghệ (technology ownership) đang bị chi phối bởi giới, trong đó nam giới nắm quyền tiếp cận và điều khiển các phương tiện kỹ thuật - một hình thức “quyền lực mới” trong gia đình hiện đại.

<sup>4</sup> Kết nối giới là mối quan hệ giữa giới tính và năng lực kết nối trong môi trường xã hội số, phản ánh sự khác biệt về cơ hội, quyền lực và sự tham gia của các giới trong việc truy cập, sử dụng và kiểm soát công nghệ, thông tin và mạng lưới xã hội trực tuyến ([https://www.isocfoundation.org/2024/10/whats-the-gender-digital-divide/?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.isocfoundation.org/2024/10/whats-the-gender-digital-divide/?utm_source=chatgpt.com)).

Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, chính sự phụ thuộc ngày càng nhiều vào công nghệ trong giao tiếp cũng dẫn đến nguy cơ xa cách cảm xúc, nhất là khi không có sự chia sẻ trách nhiệm hoặc quan tâm thực sự giữa các giới. Nhiều nghiên cứu cảnh báo rằng, khi không gian vật lý của gia đình bị “xâm chiếm” bởi thiết bị cá nhân (điện thoại, máy tính bảng), thì thời gian dành cho trò chuyện trực tiếp, sinh hoạt chung hoặc chăm sóc lẫn nhau có xu hướng suy giảm. Trong bối cảnh đó, phụ nữ thường tiếp tục đóng vai trò “gìn giữ không khí gia đình” nhưng lại cảm thấy thiếu kết nối thực chất, đặc biệt khi người bạn đời dồn toàn bộ sự chú ý cho công việc qua mạng hoặc các hoạt động giải trí cá nhân.

Mặt khác, công nghệ cũng mở ra một “không gian thứ hai”, nơi các “hành vi vi phạm cảm xúc giới”<sup>5</sup> có thể diễn ra một cách âm thầm và khó kiểm soát. Tình trạng ngoại tình ảo, lạm dụng mạng xã hội để theo dõi, kiểm soát bạn đời, hay dùng các ứng dụng nhắn tin bí mật để che giấu hành vi thiếu trung thực đã trở thành những vấn đề mới trong quan hệ hôn nhân. Đặc biệt, phụ nữ thường là người chịu tổn thương nhiều hơn trong các tình huống này do thiếu quyền lực công nghệ và thiếu mạng lưới hỗ trợ tinh thần.

Cuối cùng, chuyển đổi số cũng thách thức các chuẩn mực văn hóa trong biểu hiện cảm xúc giới. Nếu trước đây, nam giới được kỳ vọng mạnh mẽ, kiệm lời, ít bộc lộ cảm xúc, thì ngày nay, sự hiện diện cảm xúc qua môi trường số (gửi email, chia sẻ hình ảnh, viết lời động viên, v.v.) lại trở thành một chuẩn mực giao tiếp mới mà không phải ai cũng sẵn sàng thích nghi. Việc không đáp ứng kỳ vọng cảm xúc từ phía bạn đời, dù chỉ qua hành vi trực tuyến, cũng có thể dẫn đến mâu thuẫn, hiểu lầm hoặc cảm giác bị bỏ rơi trong đời sống hôn nhân.

Như vậy, công nghệ đang làm thay đổi cấu trúc cảm xúc của gia đình, nhưng những thay đổi này diễn ra không đồng đều giữa các giới. Nếu không đi kèm với sự điều chỉnh về văn hóa giao tiếp và sự phân chia công bằng trong chăm sóc cảm xúc, thì chuyển đổi số có thể làm gia tăng khoảng cách giới ngay cả trong những mối quan hệ thân thiết nhất.

---

<sup>5</sup> Khái niệm “hành vi vi phạm cảm xúc giới” (gendered emotional violation / gender-based emotional violation) là một thuật ngữ mới xuất hiện trong các nghiên cứu về bạo lực giới và tâm lý xã hội học giới gần đây, dùng để chỉ những hành vi, lời nói, cử chỉ hoặc cách ứng xử gây tổn thương, xúc phạm hoặc hạ thấp giá trị cảm xúc của một người trên cơ sở giới tính của họ. Hành vi vi phạm cảm xúc giới là dạng bạo lực tinh thần có yếu tố giới, thể hiện qua việc xâm phạm, phủ nhận hoặc thao túng cảm xúc, phẩm giá và bản sắc giới của người khác, thường diễn ra trong các mối quan hệ gia đình, hôn nhân, nơi làm việc hoặc không gian mạng. Hành vi này không để lại tổn thương vật chất trực tiếp, nhưng gây tổn hại sâu sắc về tâm lý, lòng tự trọng và vị thế giới tính của nạn nhân, ([https://link.springer.com/article/10.1186/s12905-018-0553-9?utm\\_source=chatgpt.com](https://link.springer.com/article/10.1186/s12905-018-0553-9?utm_source=chatgpt.com)).



#### **4. Cơ hội và thách thức của chuyển đổi số đối với quan hệ giới trong gia đình Việt Nam hiện nay**

Chuyển đổi số đang mở ra nhiều cơ hội quan trọng để thúc đẩy tiến bộ giới trong gia đình, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức mới. Việc đánh giá hai mặt này là cần thiết để xác định hướng đi phù hợp nhằm bảo đảm công bằng và hài hòa trong các quan hệ giới trong gia đình hiện đại.

##### **4.1. Cơ hội**

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ dưới tác động của công nghệ số, chuyển đổi số không chỉ làm thay đổi phương thức lao động, giao tiếp và tổ chức đời sống mà còn mở ra những cơ hội mới để tái cấu trúc quan hệ giới trong gia đình. Công nghệ kỹ thuật số, nếu được khai thác một cách bao trùm và công bằng, có thể trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho phụ nữ và các nhóm yếu thế nâng cao quyền năng, tiếp cận thông tin, học tập suốt đời và tham gia vào các quyết định trong gia đình. Đồng thời, các hình thức làm việc linh hoạt, kinh tế số và dịch vụ trực tuyến cũng tạo điều kiện để tái phân chia lại vai trò, trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình, góp phần thúc đẩy bình đẳng giới và cải thiện chất lượng sống của toàn bộ gia đình.

*Thứ nhất*, chuyển đổi số tạo ra khả năng tiếp cận thông tin, tri thức và dịch vụ công bằng hơn giữa các giới. Nhờ các nền tảng trực tuyến, phụ nữ (đặc biệt ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa) có thể học tập, tham gia các khóa kỹ năng số, khởi nghiệp online hoặc làm việc từ xa mà không phải rời khỏi môi trường sống quen thuộc. Đây là điều kiện thuận lợi để họ nâng cao vị thế trong gia đình và cộng đồng (UNICEF, 2023).

*Thứ hai*, công nghệ số góp phần mở rộng vai trò và hình ảnh người đàn ông trong gia đình. Các ứng dụng dạy nấu ăn, chăm sóc con, tổ chức việc nhà, v.v. không chỉ nhắm đến phụ nữ mà còn thu hút sự tham gia của nam giới, từ đó từng bước làm thay đổi nhận thức xã hội về vai trò giới và khuyến khích sự chia sẻ trách nhiệm (Vu Manh Tien, 2016).

*Thứ ba*, sự hiện diện của các nền tảng số giúp thúc đẩy tiếng nói của trẻ em, người cao tuổi và nhóm dễ tổn thương trong các quyết định gia đình. Những không gian số có thể là nơi để họ được lắng nghe, thể hiện quan điểm và góp phần vào đời sống gia đình một cách năng động hơn (UNICEF, 2025).

*Thứ tư*, chuyển đổi số thúc đẩy giám sát xã hội và minh bạch hóa hành vi, trong đó có cả bạo lực gia đình. Nhờ mạng xã hội và các kênh báo cáo trực tuyến, nhiều hành vi bạo lực giới có thể được phát hiện sớm hơn, tạo điều kiện để các tổ chức hỗ trợ can thiệp kịp thời<sup>6</sup>.

<sup>6</sup>[https://thanhnien.vn/so-cuoc-goi-ve-bao-luc-gia-dinh-gia-tang-gap-doi-trong-dich-covid-19-1851400544.htm?utm\\_source=chatgpt.com](https://thanhnien.vn/so-cuoc-goi-ve-bao-luc-gia-dinh-gia-tang-gap-doi-trong-dich-covid-19-1851400544.htm?utm_source=chatgpt.com)

#### **4.2. Thách thức**

Tuy chuyển đổi số mang lại nhiều cơ hội để thúc đẩy tiến bộ và công bằng giới trong gia đình, nhưng trên thực tế, những lợi ích này không tự động xảy ra và thậm chí có thể đi kèm với những hệ lụy nếu không được nhận diện và kiểm soát kịp thời. Trong khi một số nhóm trong gia đình có khả năng thích nghi tốt và tận dụng công nghệ, thì nhiều nhóm khác (đặc biệt là các nhóm phụ nữ, người cao tuổi và trẻ em) lại đối mặt với nguy cơ bị gạt ra bên lề tiến trình số hóa. Những thách thức về tiếp cận, năng lực số, định kiến giới tái sản xuất qua công nghệ, cũng như sự thay đổi cấu trúc quan hệ trong không gian gia đình, đang tạo ra những vấn đề xã hội mới mà nếu không được chú ý đầy đủ sẽ làm sâu sắc thêm khoảng cách giới trong thời đại số (gender gap in the digital age).

*Một là*, khoảng cách số giữa các giới vẫn là rào cản lớn. Phụ nữ, nhất là nhóm phụ nữ lớn tuổi, ít được tiếp cận hoặc không có điều kiện sử dụng thiết bị số, từ đó dễ bị loại khỏi quá trình tương tác số trong gia đình. Điều này làm trầm trọng hơn tình trạng “lề hóa” một số nhóm trong gia đình số (Phạm Đi, 2023).

*Hai là*, công nghệ số có thể trở thành công cụ tái sản xuất định kiến giới. Các thuật toán, nội dung truyền thông và thậm chí AI đều có thể phản ánh hoặc củng cố vai trò giới truyền thống. Ví dụ, các hình mẫu quảng cáo luôn mặc định phụ nữ làm nội trợ, chăm con trong khi nam giới là trụ cột tài chính<sup>7</sup>.

*Ba là*, sự lan tỏa của thiết bị công nghệ khiến không gian riêng tư trong gia đình bị thu hẹp, gây căng thẳng trong mối quan hệ vợ - chồng, cha mẹ - con cái. Trẻ em dễ nghiện các thiết bị hiện đại; cha mẹ mất kiểm soát, và sự kết nối cảm xúc bị thay thế bằng các mối quan hệ “ảo” thiếu chiều sâu (Phạm Đi, 2023).

*Bốn là*, chuyển đổi số có thể làm gia tăng áp lực và kỳ vọng lên phụ nữ: phải giỏi việc nhà, việc nước, v.v.. Việc “số hóa vai trò giới” không chỉ giữ nguyên bất bình đẳng cũ mà còn khiến chúng trở nên tinh vi, khó nhận diện hơn trong thời đại công nghệ<sup>8</sup>.

#### **5. Một số gợi ý chính sách và hành động**

Những biến đổi trong quan hệ giới dưới tác động của chuyển đổi số đặt ra yêu cầu cấp thiết phải điều chỉnh cách tiếp cận về chính sách gia đình và bình đẳng giới. Nếu không có những định hướng phù hợp và hành động kịp thời, quá trình chuyển đổi số có thể vô tình củng cố những bất bình đẳng giới đã tồn tại hoặc tạo ra những hình thức phân biệt mới trong không gian số. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng chính sách cần vượt ra ngoài phạm vi công nghệ, để bao trùm cả các yếu tố văn hóa,

---

<sup>7</sup><https://vwu.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/binh-%C4%91ang-gioi-con-nhieu-nhan-thuc-sai-lam-lech-chuan-truyen-thong-binh-%C4%91ang-gioi-28681-4502.html>

<sup>8</sup> <https://vwu.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/phat-huy-vai-tro-cua-phu-nu-trong-boi-canhh-chuyen-%C4%91oi-so-115301-7801.html>

xã hội và giới. Phần này sẽ gợi ý một số định hướng chính sách và hành động nhằm tận dụng cơ hội, giảm thiểu rủi ro và thúc đẩy bình đẳng giới trong đời sống gia đình Việt Nam thời kỳ số hóa.

**5.1. Cần có cơ chế, chính sách đặc thù làm căn cứ pháp lý nâng cao năng lực số có lồng ghép giới.**

Trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng sâu rộng, việc nâng cao năng lực số là điều kiện tiên quyết để mọi thành viên trong gia đình có thể tham gia bình đẳng vào đời sống xã hội và gia đình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn tồn tại khoảng cách rõ rệt về năng lực số giữa các giới, đặc biệt là giữa nam và nữ ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, người cao tuổi và những nhóm dễ bị tổn thương khác<sup>8</sup>. Do đó, việc xây dựng các chính sách nâng cao năng lực số cần được lồng ghép tiếp cận giới một cách có hệ thống và hiệu quả.

*Thứ nhất*, cần phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng số dành riêng cho phụ nữ, trong đó đặc biệt chú trọng đến nhóm phụ nữ nông thôn, người nội trợ, phụ nữ làm nghề tự do, v.v.. Các chương trình này cần được thiết kế phù hợp với điều kiện thực tiễn, thời gian linh hoạt, nội dung dễ hiểu, gần gũi với nhu cầu thực tế (chẳng hạn: kỹ năng sử dụng smartphone, truy cập dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng an toàn mạng, v.v.).

*Thứ hai*, thúc đẩy việc lồng ghép giáo dục số và bình đẳng giới trong hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục cộng đồng. Những nội dung như: quyền sử dụng công nghệ, phân chia trách nhiệm gia đình trong môi trường số, vai trò của nam giới trong việc sử dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, v.v. cần được tích hợp vào chương trình giảng dạy chính quy cũng như các hoạt động giáo dục xã hội.

*Thứ ba*, khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ và nền tảng số xây dựng các giao diện, nội dung và sản phẩm số thân thiện với giới, không chỉ dễ tiếp cận với phụ nữ, người cao tuổi, mà còn tránh tái sản xuất những định kiến giới qua ngôn ngữ, hình ảnh và thuật toán.

*Thứ tư*, tạo điều kiện để phụ nữ và nhóm yếu thế tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và phát triển công nghệ số, từ cấp cơ sở đến trung ương. Đây không chỉ là cách để đảm bảo tính đại diện, mà còn là chiến lược dài hạn để các chính sách chuyển đổi số mang tính bao trùm và công bằng.

---

<sup>8</sup> Theo Báo cáo “Khoảng cách giới trong chuyển đổi số ở Việt Nam” của UN Women và Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), tỉ lệ phụ nữ trưởng thành có khả năng sử dụng các kỹ năng số cơ bản (như tìm kiếm thông tin, gửi email, sử dụng ứng dụng thanh toán trực tuyến) chỉ đạt khoảng 58%, trong khi tỉ lệ này ở nam giới là 74%. Sự chênh lệch còn sâu hơn ở nhóm phụ nữ nông thôn và dân tộc thiểu số, nơi chỉ 1/3 số người được khảo sát từng sử dụng internet hoặc thiết bị di động thông minh. Điều này cho thấy năng lực số (digital literacy) vẫn mang dấu ấn giới và không gian xã hội rõ rệt, tạo nên “khoảng cách kép”: khoảng cách giới và khoảng cách vùng miền.

### **5.2. Tăng cường công tác truyền thông và giáo dục về quan hệ giới trong thời đại số**

Sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ không chỉ tác động đến cách con người giao tiếp, học tập và làm việc mà còn làm biến đổi sâu sắc các khuôn mẫu và vai trò giới trong đời sống gia đình. Tuy nhiên, trong khi công nghệ phát triển mạnh mẽ thì nhận thức xã hội về bình đẳng giới, đặc biệt trong không gian gia đình số, vẫn còn nhiều hạn chế, định kiến giới vẫn tiếp tục được duy trì và củng cố qua các phương tiện truyền thông và mạng xã hội. Do đó, cần phát triển một chiến lược truyền thông và giáo dục đa dạng, bền bỉ, có chiều sâu để thay đổi nhận thức, hành vi và chuẩn mực giới trong bối cảnh mới.

*Thứ nhất*, xây dựng các chiến dịch truyền thông công cộng lồng ghép thông điệp bình đẳng giới trong thời đại số, hướng tới các nhóm đối tượng khác nhau trong gia đình: phụ huynh, thanh thiếu niên, người cao tuổi, cặp vợ chồng trẻ, v.v.. Thông điệp cần tập trung vào: chia sẻ trách nhiệm chăm sóc và công việc gia đình; phòng ngừa bạo lực trên không gian mạng; sử dụng công nghệ như công cụ hỗ trợ, không phải tái tạo sự bất bình đẳng.

*Thứ hai*, phát triển các chương trình giáo dục về giới và công nghệ trong trường học và cộng đồng. Những chủ đề như: giới và kỹ thuật số, quyền riêng tư và ranh giới cá nhân trong môi trường số, sử dụng mạng xã hội có trách nhiệm, các hình thức bạo lực giới trên nền tảng số, v.v. cần được đưa vào giảng dạy sớm để hình thành thái độ và hành vi tích cực cho thế hệ trẻ.

*Thứ ba*, kiểm soát và điều chỉnh nội dung truyền thông đại chúng, đặc biệt là trên mạng xã hội, sao cho tránh lan truyền các hình mẫu giới khuôn định, cổ hủ, hoặc nội dung độc hại gây tổn hại đến hình ảnh của phụ nữ, trẻ em gái hoặc làm lu mờ vai trò tích cực của nam giới trong chăm sóc, nuôi dạy con cái.

*Thứ tư*, tăng cường sự tham gia của nam giới và các tổ chức nam giới trong các hoạt động truyền thông, giáo dục bình đẳng giới. Bình đẳng giới không thể đạt được nếu chỉ coi là trách nhiệm của phụ nữ. Việc xây dựng những hình ảnh nam giới tích cực, biết chia sẻ trách nhiệm gia đình và ứng xử nhân văn trong thế giới số là một phần quan trọng để thay đổi định kiến và tạo ra môi trường công bằng hơn.

### **5.3. Hình thành mạng lưới pháp lý bảo vệ quyền riêng tư và không gian cảm xúc trong gia đình số**

Chuyển đổi số mang lại nhiều tiện ích cho đời sống gia đình, từ giao tiếp nhanh chóng, giám sát con cái đến quản lý tài chính và kết nối xã hội. Tuy nhiên, nó cũng làm mờ ranh giới giữa công việc và đời sống riêng tư, giữa không gian cá nhân và tập thể, dễ dẫn đến những xung đột âm thầm hoặc xâm phạm quyền riêng tư trong gia đình. Nhiều phụ nữ, trẻ em, thậm chí cả người cao tuổi đang phải đối mặt với sự kiểm soát quá mức, giám sát công nghệ hoặc bị tước quyền quyết định trong

các hoạt động trực tuyến. Bởi vậy, bảo vệ quyền riêng tư và không gian cảm xúc trong gia đình số là một nội dung cần thiết và cấp bách.

*Thứ nhất*, cần xây dựng khung pháp lý và hướng dẫn cụ thể về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và quyền tự chủ kỹ thuật số trong phạm vi gia đình. Việc sử dụng thiết bị theo dõi, camera giám sát, phần mềm kiểm soát nội dung trên thiết bị của con cái hay vợ/chồng cần được đặt trong giới hạn đạo đức và pháp lý rõ ràng.

*Thứ hai*, tăng cường giáo dục về quyền cá nhân và kỹ năng cảm xúc trong môi trường số cho tất cả thành viên gia đình. Học cách tôn trọng không gian riêng, hiểu rõ đâu là hành vi kiểm soát độc hại, biết thiết lập giới hạn và giao tiếp cảm xúc tích cực qua công nghệ, v.v. là những năng lực thiết yếu cho đời sống gia đình hiện đại.

*Thứ ba*, thúc đẩy phát triển các nền tảng công nghệ và ứng dụng số thân thiện với quyền riêng tư và công bằng giới, giúp các thành viên có thể sử dụng công nghệ như công cụ hỗ trợ tương tác và kết nối thay vì trở thành phương tiện giám sát hay áp chế.

*Thứ tư*, hỗ trợ tham vấn tâm lý - pháp lý và trị liệu cảm xúc cho các gia đình bị ảnh hưởng bởi các vấn đề liên quan đến quyền riêng tư và tổn thương cảm xúc qua môi trường số. Nhiều gia đình hiện chưa nhận diện được tổn thương tinh thần gây ra bởi xung đột trên mạng xã hội, lạm dụng công nghệ hay thiếu thấu cảm khi giao tiếp qua thiết bị điện tử.

#### ***5.4. Tăng cường hỗ trợ nhóm yếu thế trong gia đình tiếp cận công nghệ một cách bình đẳng***

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ thì sự bất bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng và làm chủ công nghệ đang có nguy cơ tái tạo và gia tăng khoảng cách giới, thế hệ và vị thế xã hội trong chính mỗi gia đình. Phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, những nhóm thường được xem là “yếu thế” trong đời sống gia đình, không chỉ có nguy cơ bị gạt ra bên lề quá trình số hóa, mà còn có thể trở thành nạn nhân của phân biệt đối xử, giám sát và bạo lực công nghệ. Việc tạo điều kiện để các nhóm này tiếp cận công nghệ số một cách công bằng, an toàn và hiệu quả là yêu cầu cấp thiết để đảm bảo quyền bình đẳng và chất lượng sống gia đình trong thời đại mới.

*Thứ nhất*, cần có chính sách và chương trình hỗ trợ đào tạo kỹ năng số cho phụ nữ, trẻ em gái và người cao tuổi, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa. Những lớp học kỹ năng số thân thiện, dễ tiếp cận, kết hợp cả đào tạo trực tuyến và trực tiếp có thể giúp họ tự tin hơn trong sử dụng công nghệ phục vụ học tập, công việc và đời sống cá nhân.

*Thứ hai*, khuyến khích thiết kế và phát triển các sản phẩm công nghệ thân thiện với giới và tuổi tác, dễ sử dụng, có giao diện đơn giản, tính năng hỗ trợ người mới hoặc người dùng có hạn chế về kỹ thuật. Đây là cách để bảo đảm công nghệ không chỉ phục vụ cho nhóm tinh hoa số mà thực sự hòa nhập với cuộc sống đại chúng.

*Thứ ba*, có kế hoạch và phương pháp lồng ghép nội dung bình đẳng giới và quyền kỹ thuật số vào các chương trình hỗ trợ an sinh, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Khi công nghệ trở thành điều kiện cần thiết để tiếp cận dịch vụ công, việc đảm bảo mọi người - không phân biệt giới tính, tuổi tác hay vị trí trong gia đình - đều có thể sử dụng là một chỉ dấu của công bằng xã hội trong thời đại số.

*Thứ tư*, thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức xã hội, đoàn thể và cộng đồng trong việc đồng hành với các nhóm yếu thế trong chuyển đổi số. Những mô hình “bạn đồng hành kỹ thuật số”, “gia đình công nghệ hòa nhập” hoặc “con cháu dạy ông bà dùng công nghệ” nên được nhân rộng, nhằm không chỉ truyền kỹ năng mà còn gắn kết cảm xúc và khích lệ sự tự tin.

### **Kết luận**

Chuyển đổi số đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc, chức năng và quan hệ của gia đình Việt Nam hiện đại. Trong đó, quan hệ giới là một chiều cạnh bị tác động mạnh mẽ nhưng chưa luôn được nhận diện đầy đủ. Dưới tác động của công nghệ, những khuôn mẫu giới truyền thống có thể bị thách thức, nhưng cũng có thể được tái tạo ở hình thức mới. Phụ nữ có thể gia tăng quyền năng trong không gian số, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với nguy cơ bị giám sát, áp lực kép và bạo lực mạng. Trẻ em và người cao tuổi, những nhóm dễ bị tổn thương, cần được bảo vệ khỏi sự phân biệt và loại trừ kỹ thuật số trong chính gia đình mình.

Bởi vậy, để chuyển đổi số trở thành động lực thúc đẩy công bằng và tiến bộ giới trong gia đình, cần tiếp cận vấn đề này từ cả góc độ chính sách và thực tiễn xã hội. Những hành động cụ thể trong giáo dục giới và kỹ năng số, thiết kế công nghệ thân thiện, đảm bảo quyền riêng tư và tạo điều kiện tiếp cận công bằng là những bước đi quan trọng. Đồng thời, sự thay đổi cần bắt đầu từ nhận thức và ứng xử của từng thành viên gia đình, nhằm xây dựng một đời sống số nhân văn, bình đẳng và bền vững hơn trong bối cảnh hiện đại.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Bùi Thị Hồng Diễm. 2021. “Chuyển đổi số và vấn đề bình đẳng giới trong tiếp cận công nghệ ở Việt Nam”. *Tạp chí Phụ nữ Mới*, (4), 23 - 30.
2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. 2023. “Bình đẳng giới trong bối cảnh chuyển đổi số: Thách thức và khuyến nghị chính sách”. Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.
3. ITU - International Telecommunication Union. 2022. *Bridging the Gender Digital Divide: Issues and Initiatives*. Geneva: ITU Publications.
4. Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs (MOLISA). 2021. *Vietnam National Strategy on Gender Equality for the 2021 - 2030 period*. Hanoi: MOLISA.

5. Nhật Anh. 2023. “Tạo cơ hội cho phụ nữ trong quá trình chuyển đổi số tại Việt Nam”, (<https://www.hoilhpn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tao-co-hoi-cho-phu-nu-trong-quatrinh-chuyen-%C4%91oi-so-tai-viet-nam-60659-403.html>).
6. Nguyễn Khiêm. 2025. “Bình đẳng giới trong thời công nghệ số”. *Tạp chí Thông tin và Truyền thông*, (<https://ictvietnam.vn/binh-dang-gioi-trong-thoi-cong-nghe-so-56758.html>).
7. Nguyễn Thị Thanh Mai. 2020. “Gia đình Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa và công nghệ hóa”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (10), tr. 67 - 75.
8. Phạm Đi. 2021. *Vấn đề xã hội - lý thuyết và vận dụng*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
9. Phạm Đi. 2023. *Xã hội học với lãnh đạo quản lý*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
10. Trần Thị Minh Thi. 2020. “Những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay và một số khuyến nghị chính sách”. *Tạp chí Cộng sản* (online), số ra ngày 10/6.
11. UN Women. 2023. *Gender Equality and the Digital Transformation in Asia-Pacific: Opportunities and Risks*. Bangkok: UN Women Regional Office.
12. UN Women & Tổng cục Thống kê Việt Nam. 2021. *Tác động của COVID-19 đến phụ nữ và nam giới: Kết quả khảo sát tại Việt Nam*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
13. UNICEF. 2023. “Digital learning tools open a world of possibilities for ethnic minority girls in remote Viet Nam (The story of Ma Thi Si)”, ([https://www.unicef.org/vietnam/stories/digital-learning-tools-open-world-possibilities-ethnic-minority-girls-remote-viet-nam?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.unicef.org/vietnam/stories/digital-learning-tools-open-world-possibilities-ethnic-minority-girls-remote-viet-nam?utm_source=chatgpt.com)).
14. UNICEF. 2025. “Bridging digital divide for children with disabilities in Viet Nam”, ([https://www.unicef.org/vietnam/press-releases/bridging-digital-divide-children-disabilities-viet-nam?utm\\_source=chatgpt.com](https://www.unicef.org/vietnam/press-releases/bridging-digital-divide-children-disabilities-viet-nam?utm_source=chatgpt.com)).
15. Vu Manh Tien. 2016. “Home appliances and gender gap of time spent on unpaid housework: Evidence using household data from Vietnam”.
16. World Bank. 2022. *Vietnam Digital Economy Report: Accelerating Digital Transformation for Inclusive Growth*. Washington, DC: World Bank Group.